TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Quốc Trưởng

Ông Võ Ngọc Bột

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 71/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trương Thanh P, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị L có mặt, ông Trương Thanh P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà L và ông P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 01-02-2002. Quá trình chung sống có với nhau 03 con chung gồm Trương Thị Hồng L1, sinh ngày 01-6-1998; Trương Long H, sinh ngày 05-3-2002 và Trương Thị Cẩm G, sinh ngày 30-9-2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không còn hợp nhau, ông P thường xuyên ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thời gian sau này ông P đòi đánh, đe dọa bà L nhiều lần, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà L và ông P đã ly thân khoảng 03

tháng. Nay bà L nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà L yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà L đồng ý giao con chung Trương Thị Cẩm G, sinh ngày 30-9-2006 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L trình bày không có.

- *Ý kiến, yêu cầu của bị đơn ông Trương Thanh P:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông P vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị L và ông Trương Thanh P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An vào ngày 01-02-2002 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trương Thanh P là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trương Thanh P, bi đơn cư trú tại xã B, huyện M, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Trương Thanh P:

Xét thấy ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trương Thanh P.

[3] Về hôn nhân:

Tại phiên tòa, bà L xác định không còn tình cảm với ông P, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy ông P đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên có đủ căn cứ xác định ông P không quan tâm, không có thiện chí, không mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ với bà L. Như vậy căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, lời trình bày của bà L về tình trạng

mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông P đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung:

Bà L và ông P có 03 con chung gồm Trương Thị Hồng L1, sinh ngày 01-6-1998; Trương Long H, sinh ngày 05-3-2002 và Trương Thị Cẩm G, sinh ngày 30-9-2006. Bà L đồng ý theo nguyện vọng của con chung, đồng ý giao con chung chưa thành niên cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy ông P là người đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu G, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung, tránh thay đổi môi trường sống, môi trường học tập nên cần giữ nguyên việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung như hiện tại. Căn cứ theo bản tự khai của cháu G thể hiện nguyện vọng được sống với cha và bà L cũng đồng ý theo nguyện vọng của con chung. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên Trương Thị Cẩm G là phù hợp với nguyện vọng của con chung, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung.

Đối với các con chung đã thành niên, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông P không có ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[6] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông P không nộp văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà L trình bày không có, ông P không nộp văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trương Thanh P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Trương Thanh P.

- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L ly hôn ông Trương Thanh P.

- Về con chung: Giao con chung Trương Thị Cẩm G, sinh ngày 30-9-2006 cho ông Trương Thanh P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00010730 ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Thanh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Trọng